

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày: 24/7/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mận

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

2. Bà Phạm Thị Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông* tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Lê Tiến S (có mặt).

Địa chỉ: thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắc Nông.

- *Bị đơn:* ông Trần Văn V và bà Trần Thị Thu H (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện M, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 12 năm 2017 nguyên đơn ông Lê Tiến S trình bày: Vào ngày 12/7/2016 ông Lê Tiến S có cho ông Trần Văn V và bà Trần Thị Thu H vay số tiền 460.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng; ông V, bà H hẹn 10 ngày sau sẽ trả, lãi suất thỏa thuận là 12%/năm. Khi đến hạn trả nợ, ông V, bà H không trả tiền gốc và lãi cho ông S theo thỏa thuận. Đến tháng 8/2016, bà H trả cho ông S 10.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 30/8/2016, bà H trả 100.000.000 đồng tiền gốc. Ngày 30/11/2016, bà H trả 13.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 19/01/2017, bà H trả 100.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền còn lại

là 260.000.000 đồng đến nay ông V, bà H chưa trả cho ông S. Do đó, ông S làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V, bà H phải trả số tiền gốc còn lại là 260.000.000 đồng và 29.630.000 đồng tiền lãi (lãi suất 12%/năm tính từ ngày 12/7/2016 đến ngày 19/12/2017, là ngày làm đơn khởi kiện).

Theo ý kiến trình bày của bị đơn ông Trần Văn V, bà Trần Thị Thu H trong quá trình giải quyết vụ án tại bút lục số 15, 16, 17 thì: Vào ngày 12/7/2016 ông V, bà H có vay của ông Lê Tiến S số tiền 460.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày, lãi suất 60%/năm. Mục đích ông, bà vay tiền về để trả nợ cho ngân hàng, tuy nhiên khi đến hạn trả nợ thì ông V, bà H không được ngân hàng cho vay đáo hạn nên chưa trả số tiền trên cho ông S. Đến tháng 8/2016 thì ông V, bà H đã trả cho ông S số tiền gốc là 10.000.000 đồng; ngày 30/11/2016 trả 13.000.000 đồng tiền gốc; ngày 30/8/2016 ông, bà tiếp tục trả 100.000.000 đồng tiền gốc; ngày 19/01/2017 trả 100.000.00 đồng tiền gốc; tổng cộng số tiền ông V, bà H đã trả cho ông S là 223.000.000 đồng; Do đó ông, bà cho rằng chỉ còn nợ ông S số tiền gốc là 237.000.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải ngày 26/3/2018 thì ông V, bà H thừa nhận còn nợ ông S số tiền 260.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi suất theo yêu cầu của ông S vì hiện tại điều kiện kinh tế khó khăn.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Tiến S yêu cầu bị đơn ông V, bà H phải trả số tiền gốc là 260.000.000 đồng; tiền lãi 29.305.000 đồng (ông S không yêu cầu ông V, bà H phải trả lãi suất trong hạn từ ngày 12/7/2016 đến ngày 22/7/2016) cụ thể như sau:

1) Lãi suất quá hạn từ ngày 23/7/2016 đến ngày 30/8/2016: $460.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ tháng} 08 \text{ ngày} \times 0,75\%/1 \text{ tháng} = 4.370.000 \text{ đồng}$.

2) Lãi suất quá hạn từ ngày 01/9/2016 đến ngày 19/01/2017: $360.000.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} \times 0,75\%/1 \text{ tháng} = 12.510.000 \text{ đồng}$.

3) Lãi suất quá hạn từ ngày 20/01/2017 đến ngày 24/7/2018: $260.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm} 6 \text{ tháng} 5 \text{ ngày} \times 0,75\%/1 \text{ tháng} = 35.425.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi là $(4.370.000 \text{ đồng} + 12.510.000 \text{ đồng} + 35.425.000 \text{ đồng}) = 52.305.000 \text{ đồng}$, khấu trừ số tiền lãi 23.000.000 đồng ông V, bà H đã trả; bị đơn còn phải trả tiền lãi $29.305.000 \text{ đồng} + 260.000.000 \text{ đồng}$ tiền gốc; tổng cộng ông V, bà H phải trả ông S số tiền là 289.305.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật:

- Về thời hiệu khởi kiện là không vi phạm thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 97 BLTTDS.

- Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

- Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xác định quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

- Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97 BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời gian mở phiên tòa là đảm bảo theo quy định tại khoản 4 Điều 203 BLTTDS.

- Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Không vi phạm thời hạn theo quy định tại Điều 220 BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tiến S.

- Buộc bị đơn bà Trần Thị Thu H và ông Trần Văn V phải trả cho ông Lê Tiến S số tiền 289.305.000 đồng, trong đó 260.000.000 đồng là tiền gốc và 29.305.000 đồng là tiền lãi.

- Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất trong hạn nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Lê Tiến S khởi kiện ông Trần Văn V và bà Trần Thị Thu H tranh chấp về hợp đồng vay tài sản; bị đơn ông Trần Văn V, bà Trần Thị Thu H có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn V và bà Trần Thị Thu H đã có mặt làm việc tại Tòa án viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án ông V, bà H đã được Tòa án tổng đạt các quyết định, giấy báo phiên tòa hợp lệ nhưng ông V, bà H cố tình vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự cố tình vắng mặt của ông V, bà H đã không cung cấp được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; ông V, bà H phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vắng mặt bị đơn ông V, bà H là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn giao nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil là bản gốc giấy nhận nợ đề ngày 12/7/2016 có thể hiện ông Trần Văn V và bà Trần Thị Thu H vay của ông Lê Tiến S số tiền 460.000.000 đồng. Xét giấy nhận nợ giữa ông S với ông V, bà H là giấy viết tay do chính ông V, bà H trực tiếp viết và được hai bên thừa nhận là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án công nhận hợp đồng vay tiền giữa ông S với ông V, bà H là có thật và hợp pháp. Về nội dung các bên thỏa thuận là phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng dân sự.

Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

Căn cứ vào nội dung thỏa thuận giữa ông Lê Tiến S với bà Trần Thị Thu H và ông Trần Văn V thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 12/7/2016 thì ông V, bà H phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 460.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận là 1%/tháng. Tuy nhiên, khi đến hạn ông V, bà H không trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận; đến ngày 30/8/2016 và ngày 19/01/2017, ông V, bà H trả cho ông S mỗi lần 100.000.000 đồng tiền gốc (tổng cộng 02 lần 200.000.000 đồng); vào tháng 8/2016, ông V, bà H trả cho ông S số tiền lãi 10.000.000 đồng; ngày 30/11/2016 ông V, bà H trả cho ông S số tiền lãi 13.000.000 đồng (tổng cộng số tiền lãi là 23.000.000 đồng). Việc ông V, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...”*.

Tại phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/3/2018 thì ông V, bà H thừa nhận còn nợ ông S số tiền gốc là 260.000.000 đồng; ông V, bà H đã trả lãi 23.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định ông V, bà H vay tiền của ông S là có thật và số tiền gốc hiện tại ông V, bà H còn nợ ông S là 260.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu tính lãi suất: Tại phiên họp kiểm tra chứng cứ và tại phiên tòa ngày hôm nay ông S yêu cầu tính lãi suất trên số tiền ông V, bà H chậm thanh toán với lãi suất 9%/ 1 năm. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước tại thời điểm vay là 9%/năm (theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam). Xét thấy, yêu cầu tính lãi suất của ông S phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên cần áp dụng, cụ thể:

1) Lãi suất quá hạn từ ngày 23/7/2016 đến ngày 30/8/2016: 460.000.000 đồng x 01 tháng 08 ngày x 0,75%/1 tháng = 4.370.000 đồng.

2) Lãi suất quá hạn từ ngày 01/9/2016 đến ngày 19/01/2017: 360.000.000 đồng x 04 tháng 19 ngày x 0,75%/1 tháng = 12.510.000 đồng.

3) Lãi suất quá hạn từ ngày 20/01/2017 đến ngày 24/7/2018: 260.000.000 đồng x 01 năm 6 tháng 5 ngày x 0,75%/1 tháng = 35.425.000 đồng.

Tổng số tiền lãi ông V, bà H phải trả là 52.305.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi ông V, bà H đã trả cho ông S là 23.000.000 đồng; do đó cần buộc ông V, bà H phải trả số tiền lãi còn lại là 29.305.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay ông S không yêu cầu ông V, bà H phải tính lãi suất trong hạn từ ngày 12/7/2016 đến ngày 22/7/2016 nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Xét hợp đồng vay tài sản lập ngày 12/7/2016 giữa ông S với ông V, bà H là giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực đang được các bên thực hiện nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015, trong đó đương sự chỉ tranh chấp về tiền lãi nên HĐXX áp dụng khoản trả lãi chậm thanh toán theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông V, bà H phải trả số tiền 289.305.000 đồng, trong đó có 260.000.000 đồng tiền gốc và 29.305.000 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/7/2018).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị Thu H và ông Trần Văn V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Cụ thể: 289.305.000 đồng x 5% = 14.465.250 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 305; Điều 471; Điều 474; Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tiến S.

- Buộc bị đơn bà Trần Thị Thu H và ông Trần Văn V phải trả cho ông Lê Tiến S số tiền 289.305.000 đồng (*hai trăm tám mươi chín triệu ba trăm linh năm nghìn đồng*), trong đó 260.000.000 đồng (*hai trăm sáu mươi triệu đồng*) là tiền gốc và 29.305.000 đồng (*hai mươi chín triệu ba trăm linh năm nghìn đồng*) là tiền lãi .

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị đơn chưa thanh toán, thì hằng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền gốc chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trần Thị Thu H và ông Trần Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.465.250 đồng (*mười bốn triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng*).

- Trả lại cho ông Lê Tiến S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.241.000 đồng (*bảy triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng*) theo biên lai số 0000789 ngày 03 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (ông Trần Văn V và bà Trần Thị Thu H) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- VKSND tỉnh Đắk Nông (2 bản);
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Mận